



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản  
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh**

6103000072

2000393273

ngày 12 tháng 5 năm 2006

ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 23 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 đã được điều chỉnh 5 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 ngày 6 tháng 8 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Chu Thị Bình

Ông Lê Văn Quang

Ông Lê Văn Điệp

Ông Phan Thanh Lộc

Bà Hồ Thu Lê

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Tsukahara Keiichi

Ông Osada Tsutomu

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

Ông Nagoya Yutaka

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 17 tháng 6 năm 2021)

Thành viên

(đến ngày 17 tháng 6 năm 2021)

Thành viên

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Văn Quang

Bà Chu Thị Bình

Ông Chu Văn An

Ông Thái Hoàng Hùng

Ông Lê Văn Điệp

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Lê Ngọc Anh

Bà Lê Thị Dịu Minh

Ông Chu Hồng Hà

Ông Suzuki Yoshiaki

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 17 tháng 2 năm 2021)

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Văn Khánh  
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc  
Bà Đỗ Thị Hạnh

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Phường 8  
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 68 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Diệp  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 16 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 68.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00310-21-2



Nelson Rodríguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, 16-08-2021

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>7.718.775.451.231</b>	<b>6.943.219.329.077</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>600.746.991.622</b>	<b>1.119.885.206.004</b>
Tiền	111		522.046.991.622	286.539.306.004
Các khoản tương đương tiền	112		78.700.000.000	833.345.900.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.095.785.929.394</b>	<b>1.135.000.990.694</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	8.806.789.411	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(5.580.753.017)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	1.092.559.893.000	1.131.774.954.300
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.711.298.892.725</b>	<b>1.613.198.168.721</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	1.149.722.126.556	1.419.619.881.957
Trả trước cho người bán	132		131.182.105.608	92.943.002.087
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	446.113.923.529	102.712.745.214
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(15.719.262.968)	(2.077.460.537)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>4.231.835.420.393</b>	<b>3.029.545.730.672</b>
Hàng tồn kho	141		4.282.312.225.475	3.135.048.390.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(50.476.805.082)	(105.502.659.751)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>79.108.217.097</b>	<b>45.589.232.986</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	10.412.838.130	5.467.259.733
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	64.200.718.317	29.004.558.928
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	16(c)	4.494.660.650	11.117.414.325

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2.203.730.531.316</b>	<b>1.992.352.156.560</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.058.898.500</b>	<b>2.058.898.500</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	2.058.898.500	2.058.898.500
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.111.997.167.484</b>	<b>1.089.762.658.795</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	977.040.955.810	953.070.839.931
Nguyên giá	222		2.738.055.296.220	2.629.952.931.517
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.761.014.340.410)	(1.676.882.091.586)
Tài sản cố định vô hình	227	12	134.956.211.674	136.691.818.864
Nguyên giá	228		162.592.756.855	162.526.122.555
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.636.545.181)	(25.834.303.691)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>556.574.366.953</b>	<b>497.585.536.429</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	556.574.366.953	497.585.536.429
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>252.214.251.177</b>	<b>213.978.552.035</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	208.214.251.177	191.978.552.035
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	37.000.000.000	15.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>280.885.847.202</b>	<b>188.966.510.801</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	265.273.103.066	181.525.992.402
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	15.612.744.136	7.440.518.399
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9.922.505.982.547</b>	<b>8.935.571.485.637</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>4.793.309.038.874</b>	<b>3.613.486.043.150</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.717.124.877.489</b>	<b>3.545.832.567.379</b>
Phải trả người bán	311		345.415.717.650	196.221.615.421
Người mua trả tiền trước	312		65.172.621.480	44.639.837.797
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16(a)	73.791.913.385	15.029.740.821
Phải trả người lao động	314		72.173.859.822	119.181.822.872
Chi phí phải trả	315		1.185.003.804	869.399.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	422.739.992.847	33.538.069.672
Vay ngắn hạn	320	18	3.656.808.412.984	3.083.249.485.504
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	79.837.355.517	53.102.595.837
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>76.184.161.385</b>	<b>67.653.475.771</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		35.004.299.637	35.394.682.161
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	1.000.000.000	1.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	40.179.861.748	31.258.793.610
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.129.196.943.673</b>	<b>5.322.085.442.487</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>5.129.196.943.673</b>	<b>5.322.085.442.487</b>
Vốn cổ phần	411	21	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.323.448.937.608	2.322.800.251.928
Cổ phiếu quỹ	415		(33.986.985.170)	(33.019.699.490)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		131.438.873.417	133.379.666.652
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	124.868.768.576	107.161.055.052
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		439.454.340.571	669.217.548.202
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		185.850.447.599	804.493.850
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		253.603.892.972	668.413.054.352
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		143.973.008.671	122.546.620.143
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.922.505.982.547</b>	<b>8.935.571.485.637</b>

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Lưu Minh Trung  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Văn Diệp  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	6.119.537.876.383	5.601.443.445.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	17.734.608.575	21.324.232.830
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>6.101.803.267.808</b>	<b>5.580.119.212.802</b>
Giá vốn hàng bán	11	25	5.292.615.509.964	5.001.198.248.128
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>809.187.757.844</b>	<b>578.920.964.674</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	51.918.918.149	118.102.528.654
Chi phí tài chính	22	27	35.708.635.549	73.776.944.371
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.832.931.634	41.779.776.901
Phần lãi trong công ty liên kết	24		16.235.699.142	19.106.231.725
Chi phí bán hàng	25	28	361.497.107.026	270.822.692.392
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	131.443.612.221	98.674.144.444
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>348.693.020.339</b>	<b>272.855.943.846</b>
Thu nhập khác	31	30	10.554.309.608	3.345.453.739
Chi phí khác	32		2.948.973.877	6.601.708.460
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.605.335.731</b>	<b>(3.256.254.721)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>356.298.356.070</b>	<b>269.599.689.125</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	79.176.734.544	35.434.101.094
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	748.842.401	2.795.015.671
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>276.372.779.125</b>	<b>231.370.572.360</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (mang sang từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>276.372.779.125</b>	<b>231.370.572.360</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		253.603.892.972	236.249.928.098
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		22.768.886.153	(4.879.355.738)
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>1.209</b>	<b>1.081</b>

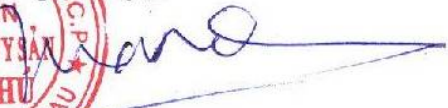
Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Lưu Minh Trung  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



  
 Lê Văn Điệp  
 Phó Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>356.298.356.070</b>	<b>269.599.689.125</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		99.586.569.542	86.298.244.514
Các khoản dự phòng	03		(41.331.365.717)	14.626.080.130
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.136.447.898)	(16.991.880.654)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(1.944.711.519)	(70.501.496)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(31.479.293.615)	(59.915.891.872)
Lãi từ phân bổ khoản đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05		(390.382.524)	(390.382.524)
Phần lãi trong công ty liên kết	05		(16.235.699.142)	(19.106.231.725)
Chi phí lãi vay	06		21.832.931.634	41.779.776.901
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>384.199.956.831</b>	<b>315.828.902.399</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(120.825.613.129)	97.930.638.373
Biến động hàng tồn kho	10		(1.151.240.989.064)	(1.250.109.679.901)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		127.427.286.489	108.896.996.682
Biến động chi phí trả trước	12		(26.868.420.939)	4.389.437.085
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	600.000
			<b>(787.307.779.812)</b>	<b>(723.063.105.362)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.832.931.634)	(41.779.776.901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.722.963.291)	(16.775.652.538)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	761.066.536
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(23.449.706.156)	(27.357.009.640)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(848.313.380.893)</b>	<b>(808.214.477.905)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(266.202.761.306)	(151.662.704.474)
Tiền chi tạm ứng cho nhân viên cho việc mua đất	21		(9.109.180.925)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		2.663.062.948	779.251.496
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(424.607.788.196)	(1.231.800.000.000)
Tiền chi đầu tư vào trái phiếu	23		(22.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		463.800.000.000	773.754.688.089
Tiền thu từ cho người lao động vay	24		300.000.000	62.800.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		31.987.598.124	47.367.203.793
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(223.169.069.355)</b>	<b>(561.498.761.096)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31		49.000.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(318.600.000)	-
Tiền vay nhận được	33		6.758.168.919.764	6.053.862.786.911
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.183.340.333.098)	(4.658.122.808.845)
Tiền trả cổ tức	36		(1.349.204.361)	(398.334.055.912)
Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	36		(18.678.600.730)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>554.531.181.575</b>	<b>997.405.922.154</b>



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

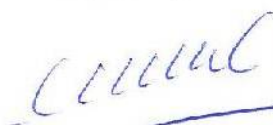
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(516.951.268.673)	(372.307.316.847)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.119.885.206.004	625.386.686.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(2.186.945.709)	(901.826.656)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	600.746.991.622	252.177.542.811

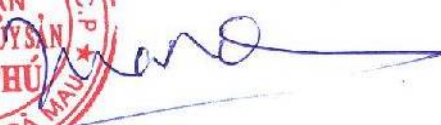
Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) với mã giao dịch là MPC.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), như được liệt kê trong Thuyết minh 1(d) dưới đây, và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 16 công ty con (1/1/2021: 16 công ty con) chi tiết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết		% lợi ích kinh tế	
		30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
<b>Các công ty con sở trực tiếp</b>					
Mscfood Corporation	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	98,27%	98,27%	98,27%	98,27%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (i)	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	97,50%	97,50%	97,50%	97,50%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,17%	95,00%	99,17%	95,00%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (i)	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,83%	99,83%	99,83%	99,83%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú (i)	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	99,67%	99,67%	99,67%	99,67%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết		% lợi ích kinh tế	
		30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (i)	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i) (iii)	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	92,27%	92,27%	92,27%	92,27%
Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (ii)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú (i)	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics (i)	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết		% lợi ích kinh tế	
		30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác</b>					
Công ty TNHH Cảng Minh Phú Hậu Giang (iv)	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	98,20%	98,20%	98,20%	98,20%
Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.	79,8%	79,8%	45,43%	45,43%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (ii) Công ty nắm giữ 60% lợi ích Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú. Các cổ đông còn lại là Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng và bà Lê Thị Minh Phú lần lượt sở hữu 30% và 10% vốn góp của đơn vị này.  
 Tại ngày báo cáo, Công ty và những nhà đầu tư khác chưa góp đủ vốn điều lệ cho công ty con này.
- (iii) Công ty nắm giữ trực tiếp 74,07% lợi ích Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 18,52% lợi ích của đơn vị này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang.
- (iv) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích Công ty TNHH Cảng Minh Phú Hậu Giang và nắm giữ gián tiếp 49,09% lợi ích của đơn vị này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Công ty TNHH Kho vận Ebisumo được đăng ký thành lập tại Nhật. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 2 công ty liên kết (1/1/2021: 2 công ty liên kết) chi tiết tại Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có 13.613 nhân viên (1/1/2021: 13.038 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khi phân lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng trực tiếp ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 2 – 39 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 2 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 15 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 2 – 15 năm |

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 41 năm đến 59 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 năm đến 48 năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Chi phí cải tạo**

Chi phí cải tạo bao gồm chi phí sửa chữa lại nền xưởng. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập cổ tức**

Doanh thu cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Thuê hoạt động**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là **thuê hoạt động** nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. EPS cơ bản được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. EPS suy giảm được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước/năm trước.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Bộ phận kinh doanh khác

*Cho kỳ sáu tháng kết thúc  
 ngày 30 tháng 6 năm 2021*

	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	-	3.305.596.793.149	2.779.133.570.701	17.072.903.958	-	6.101.803.267.808
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	1.098.726.910.793	3.130.171.232.746	350.529.357.644	164.278.966.400	(4.743.706.467.583)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.098.726.910.793</b>	<b>6.435.768.025.895</b>	<b>3.129.662.928.345</b>	<b>181.351.870.358</b>	<b>(4.743.706.467.583)</b>	<b>6.101.803.267.808</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(88.648.793.004)	285.841.031.184	250.119.502.839	5.002.938.414	(136.067.640.836)	316.247.038.597

Doanh thu hoạt động tài chính  
 Chi phí tài chính  
 Phần lãi trong công ty liên kết

51.918.918.149  
 (35.708.635.549)  
 16.235.699.142

Kết quả từ hoạt động kinh doanh

348.693.020.339

Thu nhập khác

10.554.309.608

Chi phí khác

(2.948.973.877)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

(79.925.576.945)

Lợi nhuận sau thuế TNDN

276.372.779.125



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	-	2.485.294.779.443	3.083.453.053.218	11.371.380.141	-	5.580.119.212.802
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	986.877.530.885	2.755.306.187.501	1.000.024.028.031	128.222.274.088	(4.870.430.020.505)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>986.877.530.885</b>	<b>5.240.600.966.944</b>	<b>4.083.477.081.249</b>	<b>139.593.654.229</b>	<b>(4.870.430.020.505)</b>	<b>5.580.119.212.802</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	18.694.519.414	213.212.636.297	(35.026.228.493)	8.162.007.391	4.381.193.229	209.424.127.838
Doanh thu hoạt động tài chính						118.102.528.654
Chi phí tài chính						(73.776.944.371)
Phần lãi trong công ty liên kết						19.106.231.725
<b>Kết quả từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>272.855.943.846</b>
Thu nhập khác						3.345.453.739
Chi phí khác						(6.601.708.460)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(38.229.116.765)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>						<b>231.370.572.360</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.150.994.463.960	7.316.683.239.363	2.977.354.113.116	640.165.462.843	(3.498.043.561.439)	8.587.153.717.843
Tài sản không phân bổ						1.335.352.264.704
<b>Tổng tài sản</b>						<b>9.922.505.982.547</b>
Nợ phải trả của bộ phận	234.113.096.688	5.406.319.937.460	1.606.399.741.897	83.809.328.683	(3.040.268.488.328)	4.290.373.616.400
Nợ phải trả không phân bổ						502.935.422.474
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>4.793.309.038.874</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Chi tiêu vốn	135.780.020.153	75.737.838.230	2.130.247.500	29.840.457.776	-	243.488.563.659
Khấu hao	28.406.201.378	65.032.129.057	3.771.107.833	2.377.131.274	-	99.586.569.542

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.088.905.092.883	4.700.946.517.140	1.923.995.987.079	567.717.550.316	(1.339.447.574.200)	6.942.117.573.218 1.993.453.912.419
<b>Tổng tài sản</b>						<b>8.935.571.485.637</b>
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	239.178.416.237	186.769.389.239	966.964.716.759	37.131.697.162	(1.127.259.915.963)	302.784.303.434 3.310.701.739.716
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>3.613.486.043.150</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>						
Chi tiêu vốn	124.108.896.913	24.250.449.200	463.000.000	1.878.663.546	-	150.701.009.659
Khấu hao	11.131.353.276	67.678.846.997	4.993.983.106	2.494.061.135	-	86.298.244.514



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

**(i) Doanh thu bộ phận**

	<b>Doanh thu</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Việt Nam	71.976.108.321	83.352.757.392
Bắc Mỹ	1.853.931.783.975	2.217.388.265.964
Châu Âu	1.253.570.503.720	653.795.726.817
Nhật Bản	1.457.001.745.448	1.598.601.514.510
Hàn Quốc	410.256.797.755	282.144.404.964
Các vùng địa lý khác	1.055.066.328.589	744.836.543.155
	<b>6.101.803.267.808</b>	<b>5.580.119.212.802</b>

**(ii) Tài sản bộ phận**

	<b>Tổng tài sản</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Việt Nam	6.864.854.666.166	6.323.191.654.325
Bắc Mỹ	2.091.491.404.503	1.537.115.863.088
Châu Âu	319.689.044.562	330.322.795.158
Nhật Bản	309.103.436.607	50.305.999.349
Hàn Quốc	24.536.444.072	426.083.121.552
Các vùng địa lý khác	312.830.986.637	268.552.052.165
	<b>9.922.505.982.547</b>	<b>8.935.571.485.637</b>

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	9.877.778.358	16.503.221.923
Tiền gửi ngân hàng	512.169.213.264	270.032.084.081
Tiền đang chuyển	-	4.000.000
Các khoản tương đương tiền	78.700.000.000	833.345.900.000
	<b>600.746.991.622</b>	<b>1.119.885.206.004</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2021			1/1/2021				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:</b>								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	18	180.000	378.000	-	18	180.000	252.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	1.096.300	-	19	80.000	930.050	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	272.941.176	-	18.823	272.941.176	188.230.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	1.832.835.218	(1.437.753.017)	163.646	3.270.588.235	1.669.189.200	(1.437.753.017)
		8.806.789.411	3.227.250.694	(5.580.753.017)		8.806.789.411	2.978.601.250	(5.580.753.017)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	1.092.559.893.000	1.131.774.954.300
<hr/>		
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn</b>		
Trái phiếu		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (ii)	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (iii)	10.000.000.000	10.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (iv)	22.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>37.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
	<hr/>	<hr/>

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm dao động từ 3,7% đến 5,0% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: từ 3,9% đến 7,5%).
- (ii) Số dư này bao gồm trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 31 tháng 10 năm 2018. Trái phiếu này đến hạn hoàn trả vào ngày 31 tháng 10 năm 2024 và hưởng lãi suất năm là 7,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 7,5%).
- (iii) Số dư này bao gồm các trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 14 tháng 11 năm 2017 và ngày 31 tháng 7 năm 2020. Các trái phiếu này đến hạn hoàn trả lần lượt vào ngày 14 tháng 11 năm 2027 và ngày 30 tháng 7 năm 2030 và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,7% đến 7,8% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: từ 7,7% đến 7,8%).
- (vi) Số dư này bao gồm trái phiếu không chuyển đổi do Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2020. Vào ngày 18 tháng 2 năm 2021, Tập đoàn đã mua trái phiếu này từ Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB. Trái phiếu này đến hạn hoàn trả vào ngày 17 tháng 8 năm 2023 và hưởng lãi suất năm là 3,9% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: Không).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 169.000 triệu VND (1/1/2021: 286.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**Ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Dầu tư góp vốn vào:

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”) Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”) Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
	49,00%	49,00%	7.796.676.196	(*)
	49,00%	49,00%	200.417.574.981	(*)
			208.214.251.177	
				7.000.000.000

**Công ty khác**

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

		% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>					
Đầu tư góp vốn vào:					
<b>Công ty liên kết</b>					
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	7.747.508.243	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	49,00%	49,00%	184.231.043.792	(*)
				<b>191.978.552.035</b>	
<b>Công ty khác</b>					
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,00%	10,00%	7.000.000.000	(*)

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	191.978.552.035	171.010.694.509
Phần lãi trong các công ty liên kết	16.235.699.142	19.106.231.725
Số dư cuối kỳ	208.214.251.177	190.116.926.234

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Aquamekong	22.676.861.382	8.009.452.188	14.667.409.194	126.071.674
Mekong Logistics	436.531.006.298	34.121.337.312	402.409.668.986	33.008.008.208

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Aquamekong	23.498.394.765	7.783.081.997	15.715.312.768	921.831.900
Mekong Logistics	499.123.858.799	127.149.910.542	371.973.948.257	38.070.477.743

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ H.T. Foods Pvt Ltd.	103.651.886.105	123.950.346.193
▪ Kailis Bros PTY Ltd.	92.418.884.235	64.389.053.909
▪ Censea Inc.	59.821.061.330	58.228.521.120
▪ Pacific Seafood Central	52.084.418.850	18.240.637.800
▪ Aqua Star	6.520.454.000	51.292.682.595
▪ Các khách hàng khác	835.225.422.036	1.103.518.640.340
	<hr/>	<hr/>
	1.149.722.126.556	1.419.619.881.957
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm 922.262 triệu VND (1/1/2021: 1.683.852 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.604.373.028	28.112.677.537
Các khoản tạm ứng cho nhân viên (*)	49.298.124.427	39.775.899.480
Thuế chống bán phá giá được hoàn lại (Thuyết minh 36)	336.201.513.146	-
Lãi phải thu về tạm nộp thuế chống bán phá giá (Thuyết minh 36)	5.082.258.730	-
Ký quỹ ngắn hạn khác	8.700.000.000	5.625.000.000
Tạm ứng cho nông dân (Thuyết minh 8(b))	-	7.306.508.578
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	3.059.609.018	3.147.055.623
Ký quỹ ngắn hạn thuê văn phòng	521.295.021	521.295.021
Cho người lao động vay	4.200.000.000	4.500.000.000
Phải thu khác	11.446.750.159	13.724.308.975
	<hr/>	<hr/>
	446.113.923.529	102.712.745.214
	<hr/>	<hr/>

(\*) Bao gồm trong các khoản tạm ứng cho nhân viên là 36,8 tỷ VND (1/1/2021: 27,7 tỷ VND) tạm ứng cho việc mua đất để phát triển vùng nuôi tôm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng	521.295.021	521.295.021

Khoản phải thu khác từ Công ty Cổ phần Long Phụng phản ánh khoản đặt cọc cho mục đích thuê văn phòng.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho một nông dân (*)	-	7.306.508.578
Khoản phải thu đến hạn trong 12 tháng (Thuyết minh 8(a))	-	(7.306.508.578)
Khoản phải thu đến hạn sau 12 tháng	-	-
Đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau, một bên liên quan (**)	2.058.898.500	2.058.898.500
	2.058.898.500	2.058.898.500

(\*) Đây là khoản tạm ứng cho một nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này đã được thanh toán toàn bộ bằng hình thức cắt trừ công nợ theo biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 1 năm 2021.

(\*\*) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau, một bên liên quan, cho mục đích thuê đất.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Số ngày quá hạn	30/6/2021		Số ngày quá hạn	1/1/2021		
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
<b>Nợ quá hạn</b>							
H.T. Foods Pvt Ltd.	Dưới 1 năm	23.714.046.133	16.599.832.293	-	-	-	-
Seoha Corporation	Dưới 1 năm	3.736.137.910	1.868.068.955	-	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Công nghệ Xây dựng Sài Gòn	1 – 2 năm	8.650.290.000	4.325.145.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	7 – 8 năm	982.302.147	-	982.302.147	982.302.147	-	982.302.147
Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến Thủy sản Mỏ Ó Sóc Trăng	7 – 8 năm	771.913.390	-	771.913.390	771.913.390	-	771.913.390
HML Foods Trading(s) Pte. Ltd.	Dưới 1 năm	338.830.636	-	338.830.636	-	-	-
Công ty TNHH Thanh Bình	7 – 8 năm	209.324.000	-	209.324.000	209.324.000	-	209.324.000
Các khách hàng khác	1 năm	109.465.000	-	109.465.000	113.921.000	-	113.921.000
		38.512.309.216	22.793.046.248	15.719.262.968	2.077.460.537	-	2.077.460.537

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

15.719.262.968

2.077.460.537



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.077.460.537	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	13.646.258.431	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.456.000)	-
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	15.719.262.968	-
	<hr/>	

**10. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi				
trên đường	2.796.815.295	-	3.865.732.855	-
Nguyên vật liệu	190.946.854.198	-	147.922.067.187	-
Công cụ và dụng cụ	29.103.891.784	-	38.756.730.312	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	264.521.142.739	(6.266.475.890)	185.973.787.032	(6.266.475.890)
Thành phẩm	3.794.943.521.459	(44.210.329.192)	2.758.530.073.037	(99.236.183.861)
	<hr/>		<hr/>	
	4.282.312.225.475	(50.476.805.082)	3.135.048.390.423	(105.502.659.751)
	<hr/>		<hr/>	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	105.502.659.751	63.486.469.926
Trích lập dự phòng trong kỳ	27.432.333.354	30.649.564.504
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(82.405.501.502)	(16.023.484.374)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(52.686.521)	12.000.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	50.476.805.082	78.124.550.056

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.012.219 triệu VND (1/1/2021: 2.062.383 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 2.481.482 triệu VND thành phẩm và 17.336 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1/1/2021: 1.884.147 triệu VND thành phẩm và 22.731 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	947.603.446.837	1.459.875.893.801	199.341.207.403	23.132.383.476	2.629.952.931.517
Tăng trong kỳ	6.503.059.035	52.344.725.243	16.376.039.539	4.177.763.000	79.401.586.817
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	20.993.766.650	10.772.484.033	11.361.218.897	-	43.127.469.580
Thanh lý	(50.000.000)	(9.507.730.388)	(4.809.826.669)	-	(14.367.557.057)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(56.261.037)	-	-	(2.873.600)	(59.134.637)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>974.994.011.485</b>	<b>1.513.485.372.689</b>	<b>222.268.639.170</b>	<b>27.307.272.876</b>	<b>2.738.055.296.220</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	416.252.773.653	1.099.696.792.920	141.056.101.567	19.876.423.446	1.676.882.091.586
Khấu hao trong kỳ	33.605.049.115	56.042.590.664	7.438.891.372	697.796.901	97.784.328.052
Thanh lý	(35.119.042)	(9.147.556.010)	(4.466.530.576)	-	(13.649.205.628)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.873.600)	(2.873.600)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>449.822.703.726</b>	<b>1.146.591.827.574</b>	<b>144.028.462.363</b>	<b>20.571.346.747</b>	<b>1.761.014.340.410</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	531.350.673.184	360.179.100.881	58.285.105.836	3.255.960.030	953.070.839.931
Số dư cuối kỳ	525.171.307.759	366.893.545.115	78.240.176.807	6.735.926.129	977.040.955.810

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.002.820 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 585.400 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 147.681 triệu VND (1/1/2021: 181.575 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND</b>	<b>Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	19.177.086.700	112.072.759.525	31.276.276.330	162.526.122.555
Tăng trong kỳ	-	-	132.110.000	132.110.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(65.475.700)	-	-	(65.475.700)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>19.111.611.000</b>	<b>112.072.759.525</b>	<b>31.408.386.330</b>	<b>162.592.756.855</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	11.821.719.771	14.012.583.920	25.834.303.691
Khấu hao trong kỳ	-	647.995.440	1.154.246.050	1.802.241.490
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>12.469.715.211</b>	<b>15.166.829.970</b>	<b>27.636.545.181</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	19.177.086.700	100.251.039.754	17.263.692.410	136.691.818.864
Số dư cuối kỳ	19.111.611.000	99.603.044.314	16.241.556.360	134.956.211.674

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 5.152 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 5.152 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 44.583 triệu VND (1/1/2021: là 45.169 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 19).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	497.585.536.429	320.141.753.639
Tăng trong kỳ	163.954.866.842	115.461.997.068
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.127.469.580)	(106.248.569.503)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(926.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(61.838.566.738)	(21.538.464.297)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	556.574.366.953	306.890.716.907

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Hồ nuôi tôm	226.274.916.262	207.023.214.819
Đường ống nước biển cho hồ nuôi tôm	144.083.752.768	128.871.482.547
Quyền sử dụng đất	111.260.410.896	124.401.325.727
Hệ thống xử lý nước thải	16.683.525.759	16.183.525.759
San lấp mặt bằng	14.700.090.389	14.700.090.389
Nhà máy tằm bột	14.694.687.347	-
Hệ thống xử lý nước sông	11.257.272.727	-
Hệ thống khung nhà xưởng	6.764.977.273	-
Các công trình khác	10.854.733.532	6.405.897.188
	<hr/>	<hr/>
	556.574.366.953	497.585.536.429

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	10.412.838.130	5.467.259.733

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b>	<b>Công cụ và</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng</b>
	<b>trả trước</b>	<b>dụng cụ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	59.995.279.162	111.711.424.429	9.819.288.811	181.525.992.402
Tăng trong kỳ	7.306.508.578	59.490.330.961	2.322.226.832	69.119.066.371
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	16.953.954.075	44.884.612.663	-	61.838.566.738
Phân bổ trong kỳ	(2.417.029.497)	(39.992.711.560)	(4.800.781.388)	(47.210.522.445)
Số dư cuối kỳ	81.838.712.318	176.093.656.493	7.340.734.255	265.273.103.066

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>		
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn của các công ty con	7.332.744.102	332.508.647
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản góp cho công ty liên kết	8.280.000.034	7.108.009.752
	15.612.744.136	7.440.518.399
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư công ty mẹ vào các công ty con	(47.325.335.317)	(27.514.687.883)
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch của công ty mẹ bán cho công ty con	7.790.582.051	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	(645.108.482)	(3.744.105.727)
	(40.179.861.748)	(31.258.793.610)

.042-0  
 NHÁI  
 3 TY T  
 PMC  
 Ồ HỒ C



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp loại lại/ (cán trừ) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.105.931.773	97.776.787.845	(6.286.637.670)	(89.221.382.135)	(20.967.496)	3.353.732.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.313.017.607	79.176.734.544	(15.722.963.291)	(6.461.656.205)	(1.537.136.988)	67.767.995.667
Thuế thu nhập cá nhân	1.610.071.441	9.592.587.896	(8.781.388.349)	(98.644.067)	-	2.322.626.921
Thuế khác	720.000	1.610.560.774	(1.274.038.862)	3.000.000	7.316.568	347.558.480
	15.029.740.821	188.156.671.059	(32.065.028.172)	(95.778.682.407)	(1.550.787.916)	73.791.913.385

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã được hoàn lại VND	Số đã cán trừ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	29.004.558.928	165.029.504.832	(40.528.948.782)	(89.221.382.135)	(83.014.526)	64.200.718.317



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số đã được hoàn lại VND	Số phân loại lại/ (cán trừ) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.618.917.917	-	(6.461.656.205)	-	3.157.261.712
Thuế thu nhập cá nhân	98.644.067	-	(98.644.067)	-	-
Thuế nhập khẩu	828.665.877	(65.453.403)	-	-	763.212.474
Thuế khác	571.186.464	-	3.000.000	-	574.186.464
	11.117.414.325	(65.453.403)	(6.557.300.272)	-	4.494.660.650

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	5.654.109.123	5.940.259.043
Cổ tức phải trả	401.731.138.359	3.489.533.504
Tiền thuê đất phải trả	2.040.640.578	2.040.640.578
Nhận ứng trước từ nhân viên mua nhà tập thể	716.357.961	12.975.816.599
Nhận tiền ứng trước từ nhân viên cho việc phát hành cổ phiếu cho chương trình lựa chọn cho người lao động	2.320.945.411	30.845.411
Phải trả khác	10.276.801.415	9.060.974.537
	422.739.992.847	33.538.069.672

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ dài hạn nhận được	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	1.000.000.000

Tập đoàn không có khoản phải trả khác nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 bị quá hạn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong kỳ		30/6/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	
Vay ngắn hạn	3.083.249.485.504	6.758.168.919.764 (6.183.340.333.098)	3.656.808.412.984

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
		2021	2020		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau					
▪ Khoản vay 1	USD	1,6%	3,0% - 3,1%	960.306.843.810	1.152.760.801.500
▪ Khoản vay 2	USD	1,6% - 1,8%	3,0% - 3,1%	1.318.336.325.174	1.075.697.630.203
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau					
▪ Khoản vay 1	USD	1,6%	2,8%	694.124.935.000	337.461.408.900
▪ Khoản vay 2	USD	1,6% - 1,8%	3,1%	457.612.508.000	280.215.883.401
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	USD	1,8%	3,0%	226.427.801.000	237.113.761.500
				3.656.808.412.984	3.083.249.485.504

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6(b))	169.000.000.000	286.000.000.000
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 7)	922.261.948.078	1.683.851.514.610
Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	3.012.219.045.909	2.062.383.423.453
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	147.680.558.531	181.574.683.764
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	44.582.608.824	45.169.249.270
	4.295.744.161.342	4.258.978.871.097

## 19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	53.102.595.837	36.375.219.491
Phân bổ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	48.604.465.836	21.165.590.332
Tăng khác	1.580.000.000	761.066.536
Sử dụng trong kỳ	(23.449.706.156)	(7.294.228.862)
Số dư cuối kỳ	79.837.355.517	51.007.647.497



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	2.000.000.000.000	2.360.944.843.299	(80.162.090.861)	134.847.500.911	141.869.690.929	346.136.917.045	118.370.626.135	5.022.007.487.458
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	236.249.928.098	(4.879.355.738)	231.370.572.360
Phát hành cổ phiếu	-	(19.685.650.428)	24.356.050.428	-	-	-	-	4.670.400.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(299.328.915.000)	-	(299.328.915.000)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	21.165.590.332	(21.165.590.332)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(21.165.590.332)	-	(21.165.590.332)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(19.998.546.768)	-	(64.234.010)	(20.062.780.778)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	492.439.859	-	-	70.906.114	563.345.973
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	2.000.000.000.000	2.341.259.192.871	(55.806.040.433)	135.339.940.770	143.036.734.493	240.726.749.479	113.497.942.501	4.918.054.519.681
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	2.000.000.000.000	2.322.800.251.928	(33.019.699.490)	133.379.666.652	107.161.055.052	669.217.548.202	122.546.620.143	5.322.085.442.487
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	253.603.892.972	22.768.886.153	276.372.779.125
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát vào công ty con	-	-	-	-	-	-	49.000.000	49.000.000
Thu hồi cổ phiếu (*)	-	648.685.680	(967.285.680)	-	-	-	-	(318.600.000)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	(398.733.660.000)	(857.149.216)	(399.590.809.216)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	36.386.314.254	(36.028.974.767)	(357.339.487)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(48.604.465.836)	-	(48.604.465.836)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(18.678.600.730)	-	-	(18.678.600.730)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.940.793.235)	-	-	(177.008.922)	(2.117.802.157)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	2.000.000.000.000	2.323.448.937.608	(33.986.985.170)	131.438.873.417	124.868.768.576	439.454.340.571	143.973.008.671	5.129.196.943.673

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*) Vào ngày 12 tháng 4 năm 2021, Công ty đã báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả về việc thu hồi cổ phiếu của cán bộ công nhân viên nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy chế bán cổ phiếu với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong các năm 2018, 2019 và 2020. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu quỹ đã thu hồi là 31.860 cổ phiếu.

(\*\*) Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 17 tháng 6 năm 2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 bằng tiền là 398.733.660.000 VND tương ứng với tỷ lệ chi trả là 2.000 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 299.328.915.000 VND).

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 18.372 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: Không).

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 7.957 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: Không).

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 34.670 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 92.366 triệu VND).

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Kho vận Ebisumo đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận là 2.968 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: Không).

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	2.000.000.000.000	200.000.000	2.000.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(665.030)	(33.986.985.170)	(633.170)	(33.019.699.490)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	199.334.970	1.966.013.014.830	199.366.830	1.966.980.300.510

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### (a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	7.913.383.716	5.007.325.239
Trong vòng hai đến năm năm	33.035.878.037	22.539.775.637
Sau năm năm	31.142.217.416	9.385.896.466
	72.091.479.169	36.932.997.342

### (b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.803.241	157.043.958.513	6.897.419	159.330.064.647
JPY	1.127.458.089	235.638.740.601	250.712.151	55.156.673.220
CND	1.355	23.357.114	1.373	23.658.502
EUR	404	11.311.720	404	11.715.710
		392.717.367.948		214.522.112.079



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	339.429.149.015	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	106.329.393.498	86.132.123.123
	445.758.542.513	86.132.123.123

**(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ**

Tại ngày lập báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tập đoàn có các cam kết mua USD và JPY được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cam kết hợp đồng mua USD kỳ hạn	-	662.054.500.000
Cam kết hợp đồng mua JPY kỳ hạn	109.192.500.000	296.329.000.000
	109.192.500.000	958.383.500.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	6.105.833.964.819	5.585.813.825.594
▪ Phế liệu đã bán	13.212.754.698	15.586.553.709
▪ Khác	491.156.866	43.066.329
	6.119.537.876.383	5.601.443.445.632
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiếu khấu thương mại	476.633.333	799.888.896
▪ Giảm giá hàng bán	3.257.848.576	121.523.605
▪ Hàng bán bị trả lại	14.000.126.666	20.402.820.329
	17.734.608.575	21.324.232.830
Doanh thu thuần	6.101.803.267.808	5.580.119.212.802

**25. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Giá vốn hàng bán	5.683.790.191.258	4.986.572.167.998
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(54.973.168.148)	14.626.080.130
Thuế chống bán phá giá được hoàn lại (Thuyết minh 36)	(336.201.513.146)	-
	5.292.615.509.964	5.001.198.248.128

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	31.479.293.615	59.915.861.472
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	14.821.711.079	39.633.281.876
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	2.136.447.898	17.039.772.926
Lãi phạt chậm thanh toán	3.481.465.557	1.513.581.980
Cổ tức được chia từ chứng khoán kinh doanh	-	30.400
	<hr/>	<hr/>
	51.918.918.149	118.102.528.654
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	21.832.931.634	41.779.776.901
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	13.863.212.223	31.109.468.971
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	47.892.272
Chi phí tài chính khác	12.491.692	839.806.227
	<hr/>	<hr/>
	35.708.635.549	73.776.944.371
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	207.696.157.327	116.389.783.992
Chi phí thuê kho	63.400.956.864	68.159.566.587
Phí hoa hồng	37.712.528.764	32.678.266.169
Chi phí nhân viên	22.092.610.194	22.166.396.430
Chi phí công cụ và dụng cụ	764.990.800	818.887.140
Chi phí nguyên vật liệu	328.236.990	382.548.489
Chi phí khấu hao	942.432.720	818.356.490
Chi phí bán hàng khác	28.559.193.367	29.408.887.095
	<hr/>	<hr/>
	361.497.107.026	270.822.692.392
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	74.155.998.663	59.467.776.395
Chi phí dụng cụ văn phòng	7.881.291.808	8.430.517.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.329.259.146	7.856.444.757
Chi phí khấu hao	5.704.424.283	4.622.846.204
Phí ngân hàng và lệ phí khác	4.224.420.146	3.385.072.103
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	13.641.802.431	-
Chi phí khác	13.506.415.744	14.911.487.179
	<hr/>	<hr/>
	131.443.612.221	98.674.144.444
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi phải thu về tạm nộp thuế chống bán phá giá	5.082.258.730	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.944.711.519	70.501.496
Thu nhập khác	3.527.339.359	3.274.952.243
	<b>10.554.309.608</b>	<b>3.345.453.739</b>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.191.234.595.726	5.489.221.881.237
Chi phí nhân công và nhân viên	838.114.786.099	701.634.394.840
Chi phí khấu hao	99.586.569.542	86.298.244.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	442.604.851.664	308.288.189.302
Chi phí khác	101.497.093.760	113.321.846.850



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	76.922.826.267	27.305.980.282
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	2.253.908.277	8.128.120.812
	79.176.734.544	35.434.101.094
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	748.842.401	2.795.015.671
	79.925.576.945	38.229.116.765

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	356.298.356.070	269.599.689.125
Thuế theo thuế suất của Công ty	35.629.835.607	26.959.968.913
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.047.423.093	238.970.233
Ưu đãi thuế	(1.568.695.778)	(5.794.476.382)
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	19.980.239.146	12.721.874.274
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	31.220.507.050	(1.842.364.015)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho doanh thu từ hoạt động thương mại và thu nhập khác	6.148.426.636	3.288.719.453
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	2.253.908.277	8.128.120.812
Thu nhập không chịu thuế	-	(1.949.664.465)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(14.786.067.086)	(3.522.032.058)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	79.925.576.945	38.229.116.765

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.266.475.890	1.253.295.178	6.266.475.890	1.253.295.178
Lỗi tính thuế	377.899.933.703	65.226.824.568	332.403.227.424	60.032.652.508
	<b>384.166.409.593</b>	<b>66.480.119.746</b>	<b>338.669.703.314</b>	<b>61.285.947.686</b>

Lỗi tính thuế bao gồm lỗi tính thuế của các công ty con của Công ty. Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2021	Chưa quyết toán	93.312.438.883
2022	Chưa quyết toán	37.708.703.082
2023	Chưa quyết toán	11.701.509.822
2024	Chưa quyết toán	37.827.293.027
2025	Chưa quyết toán	90.074.216.816
2026	Chưa quyết toán	107.275.772.073
		<b>377.899.933.703</b>

Theo quy định hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗi tính thuế vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con của Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021			
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND
Số dư đầu kỳ	6.266.475.890	1.253.295.178	332.403.227.424	60.032.652.508
Lỗ tính thuế đã sử dụng	-	-	(61.779.065.794)	(14.786.067.086)
Lỗ tính thuế tăng trong kỳ	-	-	107.275.772.073	19.980.239.146
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.266.475.890</b>	<b>1.253.295.178</b>	<b>377.899.933.703</b>	<b>65.226.824.568</b>

**(e) Thuế suất áp dụng**

**Công ty**

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với các hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh khác.

**Các công ty con**

**Mseafood Corporation (“Mseafood”)**

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 21% của lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty TNHH Kho vận Ebisumo (“Ebisumo”)**

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: tại mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**Các công ty con ở Việt Nam**

Các công ty con ở Việt Nam của Công ty được hưởng các mức thuế ưu đãi khác nhau trong đó một số công ty con được miễn giảm thuế.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	253.603.892.972	236.249.928.098
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(12.680.194.649)	(21.165.590.332)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>240.923.698.323</b>	<b>215.084.337.766</b>

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 Cổ phiếu	30/6/2020 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	200.000.000	200.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(665.030)	(1.070.110)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại ngày 12 tháng 4 năm 2021	17.778	-
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>199.352.748</b>	<b>198.929.890</b>

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.209	1.081

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<i>Công ty liên kết</i>		
<b>Công ty Cổ phần Mekong Logistics</b>		
Phí lưu kho, bốc xếp	36.370.914.348	35.939.478.239
Cung cấp dịch vụ	11.290.545	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>		
Chi phí thuê văn phòng	41.888.440	1.985.141.020
<i>Các cổ đông</i>		
<b>MPM Investments Pte. Ltd.</b>		
Chia cổ tức	139.955.514.660	105.064.449.165
<b>Chu Thị Bình</b>		
Chia cổ tức	69.937.883.964	52.472.358.800
<b>Lê Văn Quang</b>		
Chia cổ tức	63.996.752.430	47.982.425.075

**Các nghiệp vụ với nhân sự chủ chốt**

Tổng lương, thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Lê Văn Quang	75.000.000	75.000.000
Chu Thị Bình	75.000.000	75.000.000
Lê Văn Điệp	75.000.000	75.000.000
Bùi Anh Dũng	75.000.000	75.000.000
Phan Thanh Lộc	150.000.000	150.000.000
Hồ Thu Lê	150.000.000	150.000.000
Osada Tsutomu	138.461.538	150.000.000
Nguyễn Nhân Nghĩa	150.000.000	150.000.000
Nagoya Yutaka	150.000.000	-
Tsukahara Keiichi	11.538.462	150.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lê Văn Quang	1.510.614.770	1.092.638.588
Chu Thị Bình	1.014.230.943	845.430.698
Lê Văn Điệp	2.450.277.796	1.390.256.470
Bùi Anh Dũng	1.241.819.908	589.157.794
Chu Văn An	256.451.756	874.041.702
Thái Hoàng Hùng	455.868.928	695.742.061
Lê Ngọc Anh	757.848.572	504.667.514
Lê Thị Dịu Minh	407.117.169	345.684.986
Chu Hồng Hà	935.140.520	490.452.302
Suzuki Yoshiaki	543.396.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Trần Văn Khánh	167.808.967	142.090.056
Nguyễn Thị Hồng Cúc	143.655.611	120.990.545
Đỗ Thị Hạnh	152.513.490	105.255.443

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên giá của tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán trong kỳ	10.921.209.145	-
Cổ tức đã được công bố nhưng chưa chi trả	401.731.138.359	300.973.099.653

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **36. Các vụ kiện và khiếu nại**

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2020, Cục Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ (“CBP”) đã gửi “Thông báo bắt đầu điều tra và áp dụng biện pháp tạm thời” cho Mseafood Corporation (“Mseafood”), một công ty con của Công ty tại Hoa Kỳ, sau khi nhận được cáo buộc của Tổ chức “Ủy ban Thực thi Thương mại Tôm Hoa Kỳ” về việc Công ty và các công ty con đã nhập tôm thành phẩm đông lạnh từ Ấn Độ để xuất sang Hoa Kỳ thông qua Mseafood. Theo đó, CBP đã chính thức khởi xướng cuộc điều tra về cáo buộc trốn thuế chống bán phá giá và áp dụng các biện pháp tạm thời đối với Mseafood. Mục đích của cuộc điều tra là để xác minh nguồn gốc của tôm đông lạnh nhập khẩu bởi Mseafood vào Hoa Kỳ trong giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 1 năm 2020.

Vào ngày 13 tháng 10 năm 2020, CBP đã đưa ra kết luận cho rằng Mseafood không cung cấp được đầy đủ bằng chứng về việc quản lý, sử dụng nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu theo yêu cầu cung cấp thông tin chi tiết của CBP, do đó Mseafood đã vi phạm lệnh thuế chống bán phá giá. Với kết luận này, sản phẩm tôm xuất khẩu bởi Công ty và các công ty con từ Việt Nam đến Hoa Kỳ sẽ phải chịu lệnh thuế chống bán phá giá như tôm Ấn Độ. Trước quyết định này, Mseafood đã tiến hành kháng cáo. Đồng thời Mseafood đã tạm nộp khoản thuế chống bán phá giá là 13.242.618 USD (tương đương 307,8 tỷ VND) trong năm 2020 và 1.348.195 USD (tương đương 28,4 tỷ VND) trong năm 2021 cho CPB và ghi nhận vào giá trị hàng tồn kho của các lô hàng tương ứng đã bán ra sau đó.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2021, CBP đã gửi “Kết luận giải quyết khiếu nại” cho Mseafood về cáo buộc chống bán phá giá. Theo đó, CBP đã hủy bỏ kết luận ban hành vào ngày 13 tháng 10 năm 2020 nêu trên.

Trong tháng 7 năm 2021, Mseafood đã được hoàn lại số tiền thuế chống bán phá giá là 14.590.813 USD (tương đương 336,2 tỷ VND) và tiền lãi được hưởng trong quá trình tạm nộp là 220.565 USD (tương đương 5,1 tỷ VND) (Thuyết minh 8).

### **37. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chế biến và nuôi trồng thủy sản của Tập đoàn phụ thuộc vào biến động mùa vụ do kết quả của điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Cụ thể, việc nuôi trồng thủy sản tại các khu vực địa lý trọng yếu bị tác động tiêu cực do điều kiện thời tiết nắng nóng, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Tập đoàn đã nỗ lực để giảm thiểu các tác động mùa vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu trong kỳ. Hoạt động kinh doanh thường đạt doanh thu và lợi nhuận thấp trong nửa đầu năm do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với giai đoạn cuối năm do giai đoạn cuối năm có nhiều hơn các lễ hội lớn trên thế giới.

### **38. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Không có thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán nào khác trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này so với các ước tính kế toán thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Các khoản mục bất thường**

Đại dịch COVID-19 đã và đang gây ra sự gián đoạn kinh doanh tại nhiều quốc gia, đặc biệt là khu vực Bắc Mỹ, một trong những thị trường quan trọng của Công ty. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hiệu quả hoạt động và tài chính của Tập đoàn sẽ phụ thuộc vào các diễn biến trong tương lai, bao gồm tính không chắc chắn liên quan đến thời gian và mức độ lây lan của đại dịch COVID-19.

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh của bảng cân đối kế toán hợp nhất được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Điệp  
Phó Tổng Giám đốc

